

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2024/HC-PT
Ngày: 21/6/2024.
V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về thu hồi, bồi
thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**
Các Thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**
Ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 417/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1052/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê K, sinh năm 1966 và bà Trần Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị D: Bà Trần Thị T, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị D: Ông Nguyễn Thanh M - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; có đơn xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Phú Yên: Ông Nguyễn An P - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công T1 - Phó chủ tịch UBND thành phố T; có đơn xin xét xử vắng mặt (Văn bản số 4882/UBND ngày 18/6/2024).

3. Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T: Bà Nguyễn Thị Xuân Đ - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ngọc B - Công chức Địa chính Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên (Nay là Ban Quản lý Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn P1 - Phó Giám đốc Ban Q đất thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 2004 (con của vợ chồng ông K); địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

6. Anh Lê Thành Đ1, sinh năm 2006 (con của vợ chồng ông K); địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

7. Ông Trần Đình H1, sinh năm 1938; Địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2022, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/12/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Lê K, bà Trần Thị D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D thống nhất trình bày:

Trước năm 1985 ông Trần Đình H1 (Bác ruột của bà D) có khai hoang diện tích đất và xây dựng nhà để mua bán. Địa chỉ thửa đất tại N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Do gia đình bà Trần Thị D khó khăn, bản thân bà D bị câm, diếc bẩm sinh nên vào năm 1985 ông Trần Đình H1 cho bà Trần Thị D phần diện tích đất và

nhà nêu trên để làm ăn sinh sống. Bà D đã sửa lại nhà và làm nghề móng tay, buôn bán nhỏ tại ngôi nhà này từ trước đến nay.

Năm 2003, bà Trần Thị D lập gia đình với ông Lê K, sinh được 02 người con. Năm 2010, bà D làm đơn xin xác nhận có nhà ở để được cấp điện sinh hoạt và được Chủ tịch UBND phường I ký xác nhận, gia đình bà đã quản lý sử dụng nhà đất này từ năm 1985 cho đến nay.

Gia đình bà Trần Thị D thuộc diện hộ nghèo (theo Quyết định trợ cấp xã hội số 4349/QĐ-UBND ngày 30/8/2019), bà không có việc làm, thu nhập bấp bênh, không có khả năng mua đất để ở khi bị thu hồi nên mong muốn được hỗ trợ 01 lô đất tái định cư để ổn định cuộc sống.

Tại Thông báo thu hồi đất số 3312/TB-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố T xác định loại đất đang sử dụng của bà Trần Thị D là đất ở đô thị. Như vậy, việc thu hồi đất của bà gắn liền với nhà ở là thuộc trường hợp phải bồi thường và bố trí tái định cư. Nhưng Quyết định thu hồi đất lại ghi không thuộc diện bồi thường, bố trí tái định cư. Gia đình bà D chỉ được bồi thường cây trồng 690.000 đồng, bồi thường di chuyển nhà ở 6.000.000 đồng và hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc tổng số tiền là 51.428.356 đồng; không bồi thường về đất, không bố trí tái định cư cho gia đình bà là không đúng quy định của Luật Đất đai, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 47.

Quyết định thu hồi đất số 1214/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T, được UBND phường 9 giao cho vợ chồng ông K vào ngày 30/3/2022. Điều 1 của Quyết định này ghi “thu hồi 31,7m² đất của ông (bà) Trần Thị D hiện đang sử dụng...). Phần nội dung này của Quyết định là không đúng với nguồn gốc đất và tài sản thực tế vợ chồng ông K đang quản lý sử dụng hiện có trên diện tích đất thu hồi.

Ngày 27/11/2022 vợ chồng ông K nhận được Thông báo số 02/BTHCC ngày 25/11/2022 về việc thông báo thời gian thực hiện cưỡng chế. Thông báo này có một số nội dung không đúng với quy định của pháp luật và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà:

+ Một là, Quyết định 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của U và Quyết định 4627/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của U điều chỉnh một phần Điều I, Quyết định cưỡng chế số 17, có ghi thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào quý IV/2022. Thời gian cụ thể sẽ có thông báo sau. Gia đình tôi chưa nhận được thông báo cụ thể về thời gian thực hiện này.

Tuy rằng, các Quyết định này chỉ điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế nhưng cũng không ấn định thời gian cụ thể. Những Quyết định này có liên quan đến Quyết định cưỡng chế số 17 và Quyết định thu hồi đất số 1214 nêu trên là chưa đúng pháp luật nên cần phải được hủy bỏ. Tuy nhiên, vào ngày 24/11/2022 B1 thực hiện cưỡng chế có tổ chức đối thoại với những trường hợp

có đất thu hồi bị cưỡng chế có Thông báo số 02/BTHCC thông báo xác định ngày cưỡng chế là ngày 30/11/2022 và ngày 01/12/2022.

Từ khi đối thoại đến Thông báo ngày thực hiện việc cưỡng chế là thời gian quá ngắn chúng tôi không thể thực hiện được. Mặt khác, Quyết định cưỡng chế cũng không đưa ra dự kiến và kế hoạch di chuyển bố trí nơi ở chúng tôi đến đâu khi cưỡng chế là không đúng với quy định của pháp luật.

+ Hai là, đất và nhà của gia đình tôi tại khu phố N, phường I, TP . trong khi đó việc cưỡng chế thu hồi đất thì thuộc công trình đầu tư mở rộng dự án T, phường E. Nghĩa là nhà và đất của gia đình tôi không thuộc dự án của phường này thì tại sao cưỡng chế thu hồi.

Sau khi nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch U, gia đình tôi làm đơn khiếu nại ngày 15/8/2022.

Ngày 16/8/2022 Chủ tịch U có Thông báo số 1280/TB- UBND cho vợ chồng tôi với nội dung đủ điều kiện thụ lý theo Luật giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, đã quá thời hạn giải quyết, Chủ tịch UBND thành phố T không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là hành vi không đúng pháp luật. Nhưng tôi không khởi kiện yêu cầu buộc giải quyết khiếu nại.

Người khởi kiện ông Lê K, bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định thu hồi đất số 1214/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T (viết tắt là Quyết định 1214/QĐ-UBND);

+ Hủy Quyết định về chi tiền bồi thường, hỗ trợ số 1616/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T (viết tắt là Quyết định số 1616/QĐ-UBND);

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 17/QĐ-CC ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (viết tắt là Quyết định số 17/QĐ-CC);

+ Hủy Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (viết tắt là Quyết định số 2753/QĐ-UBND);

+ Hủy Quyết định số 4627/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (viết tắt là Quyết định số 4627/QĐ-UBND);

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5268/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (viết tắt là Quyết định số 5268/QĐ-UBND);

+ Yêu cầu UBND thành phố T ban hành lại quyết định cho đúng pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông K, bà D;

+ Yêu cầu được giao 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá để ổn định cuộc sống.

+ Hủy một phần Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình Đầu tư mở rộng dự án tiểu công viên thanh thiếu niên giai đoạn D, phường E, thành phố T (phường I, Đ), (phần liên quan đến vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D);

Người bị kiện UBND thành phố T ***trình bày (Văn bản số 3413/UBND ngày 15/6/2023):***

1/ Việc lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Ngày 25/12/2018 UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T và thực hiện Thông báo số 3312/TB- UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố T về thông báo thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T; Thông báo số 278/TB-UBND ngày 12/3/2021 của UBND thành phố T điều chỉnh khoản 1 Thông báo số 3312/TB-UBND ngày 25/12/2018.

Ngày 26/02/2019, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T đối với ông Lê K, bà Trần Thị D.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã chuyển giao Biên bản kiểm kê, Bảng tính chi tiết dự thảo cho ông Lê K, bà Trần Thị D, niêm yết công khai lấy ý kiến phương án bồi thường hỗ trợ dự án nêu trên.

Theo Biên bản điều chỉnh xác định nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm xây dựng công trình, vật kiến trúc của các hộ bị ảnh hưởng dự án T, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên ngày 18/10/2022 của Hội đồng quy chủ UBND phường 9, thể hiện:

+ Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Công ty TNHH K2, được hộ gia đình xác nhận thuộc thửa đất số 101 – Mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 05-2018 thì hiện trạng sử dụng đất với diện tích 31,7m²; Diện tích trùng giải tỏa: 31,7m²; Diện tích còn lại: 0 m². Loại đất: ODT.

+ Căn cứ pháp lý: Đối chiếu phiếu xác nhận kết quả đo đạc và hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính năm 1994 và sổ mục kê năm 1998, trang 161) thì phần diện tích này thuộc thửa đất số 194, TĐĐ 280A, loại đất: Hg (đất hoang), diện tích 11.120 m², tên chủ sử dụng đất là đất chưa sử dụng (đất do nhà nước quản lý).

+ Về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất: Chiếm đất Nhà nước quản lý từ năm 2010 sử dụng cho đến nay.

+ Về thời điểm xây dựng công trình, VKT, gắn liền với đất: Nhà cấp 4A1, h = 2,9 m, nền xi măng. Năm 2010 (Căn cứ theo đơn xin xác nhận nhà ở).

Hội đồng hợp xét quy chủ UBND phường 9: Xác định thửa đất bà D, ông K đang sử dụng thuộc một phần thửa 194, tờ bản đồ 280-A, diện tích 11.120m², mục đích sử dụng là Hg (đất hoang), chủ sử dụng đất là đất chưa sử dụng do I quản lý được thể hiện tại Sổ địa chính và Sổ mục kê lập năm 1998.

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, quy định các trường hợp thu hồi đất không được bồi thường về đất “Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này”, trường hợp thửa đất bà Trần Thị D và ông Lê K đang sử dụng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên không được bồi thường về đất đối với phần diện tích 31,7m² thuộc thửa số 101, tờ bản đồ địa chính số 23 (Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc dự án), đất do I quản lý là đúng theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì phần diện tích đất bị thu hồi 31,7m² không được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ 50% giá trị theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 16 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên.

Ngày 07/4/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1214/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T. Theo đó, thu hồi 31,7m² đất của ông (bà) Trần Thị D và Lê K (thường trú: Khu phố N, Phường I, thành phố T) hiện đang sử dụng, loại đất bằng chưa sử dụng do I quản lý (không bồi thường về đất) thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ địa chính số 23, tại Phường I, thành phố T.

Ngày 07/4/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1219/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T (Phường I, Đ). Theo đó, không tính bồi thường 31,7 m² đất, không bồi thường về nhà ở. Bà D, ông K chỉ được bồi thường cây trồng 690.000 đồng, bồi thường di chuyển nhà ở 6.000.000 đồng và hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc 51.428.356 đồng.

Ngày 07/5/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1616/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T.

2/ Đối với nội dung khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của UBND thành phố T về cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND thành phố về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022; Quyết định số 4627/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T:

Ngày 07/4/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1214/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, phường E, thành phố T. Theo đó, thu hồi 31,7m² đất của ông (bà) Trần Thị D và Lê K (thường trú: Khu P, Phường I, thành phố T) hiện đang sử dụng, loại đất bằng chưa sử dụng do I quản lý (không bồi thường về đất) thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ địa chính số 23, tại Phường I, thành phố T.

Sau khi nhận được Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố T, bà D, ông K đã không chấp hành bàn giao mặt bằng để Nhà nước thực hiện công trình.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T7, các cơ quan chuyên môn của thành phố trình hồ sơ đề nghị cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị D và ông Lê K.

Ngày 16/5/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 17/QĐ-CC về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị D và ông Lê K là đúng trình tự, đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2753/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022; Ngày 30/9/2022 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4627/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T (điều chỉnh về thời gian thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất).

3/ Đối với nội dung yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5268/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T không có cơ sở vì: Ngày 15/8/2022, vợ chồng bà Trần Thị D và ông Lê K có đơn khiếu nại Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 và Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND thành phố T; yêu cầu giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư theo khoản 2 Điều 5 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên.

Ngày 16/8/2022, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4103/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại, trong đó giao phòng T tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn khiếu nại. Qua quá trình xác minh các cơ quan chức năng đã tham mưu UBND thực hiện đúng theo quy định và đã ban hành Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 không công nhận toàn bộ nội dung đơn đề ngày 15/8/2022 của vợ chồng bà Trần Thị D và ông Lê K.

4/ Đối với nội dung yêu cầu giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư: Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 6 Điều 6 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở thì trường hợp bà Trần Thị D và ông Lê K không bị thu hồi đất ở nên không thuộc trường được xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

Theo kết quả họp xét của I xác định hiện tại vợ chồng bà D, ông K sử dụng công trình nêu trên để buôn bán và có hộ khẩu (tách hộ cùng nhà) với cha mẹ tại Tổ A, Khu phố N, Phường I, thành phố T nên không đề nghị xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

Mặt khác, tại thời điểm UBND thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp ông K, bà D (Quyết định số 1219/QĐ- UBND ngày 07/4/2021) thì Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 chưa được UBND tỉnh Phú Yên ban hành (vẫn đang áp dụng Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên).

Do đó, việc bà D, ông K yêu cầu giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư theo khoản 2 Điều 5 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên là không có cơ sở xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- ***Trung tâm phát triển quỹ đất*** thành phố T (***Nay là Ban Q đất*** thành phố T) ***trình bày:*** Thống nhất nội dung UBND thành phố trình bày. Vợ chồng bà Trần Thị D, ông Lê K được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 58.118.356 đồng (không bồi thường về đất, bồi thường cây trồng 690.000 đồng, bồi thường di chuyển nhà ở 6.000.000 đồng; Hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc 51.428.356 đồng). Đến nay, bà Trần Thị D và ông Lê K chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

- UBND phường I ***trình bày:*** Tại thời điểm cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP thì bà Trần Thị D ở cùng hộ với cha bà là ông Trần T2, đến năm 2010 bà D thực hiện tách hộ cùng nhà với ông Trần Trịnh. Hộ ông Trần T2: được cân đối 09 nhân khẩu, với tổng diện tích là 4.128,0m².

Căn cứ hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai và quá trình quản lý, sử dụng đất thì UBND Phường 9 xác định thửa đất bà D, ông K đang sử dụng thuộc một phần thửa đất số 194, TĐĐ 280A, diện tích 11.120,0m², loại đất Hg (đất hoang), tên chủ sử dụng đất là đất chưa sử dụng do UBND phường I quản lý được thể hiện tại Sổ địa chính và Sổ mục kê lập năm 1998.

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định các trường hợp thu hồi đất không được bồi thường về đất “Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này”. Vì vậy, UBND phường I vẫn giữ nguyên nội dung Biên bản họp xét của Hội đồng xét quy chủ phường là thống nhất không bồi thường về đất.

Về bồi thường, hỗ trợ về nhà ở: Trường hợp bà Trần Thị D và ông Lê K xây dựng nhà ở sau ngày 01/7/2004. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 25 Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên, UBND phường 9 giữ nguyên nội dung Biên bản họp xét của Hội đồng xét quy chủ của phường là thống nhất đề nghị được hỗ trợ theo quy định.

Người làm chứng:

- **Bà** Cộng Thị L *trình bày*: Tại thời điểm ngày 31/5/2010, bà L giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND phường 9, bà L có ký vào Đơn xin xác nhận nhà ở của bà Trần Thị D đề ngày 24/5/2010. Nội dung của đơn này mục đích là để mắc điện thấp sáng. Năm 1985 bà Trần Thị D ở một mình buôn bán bánh kẹo tại nhà này, mà thực ra là quán chứ không phải ngôi nhà. Tại thời điểm ký xác nhận đơn của bà D thì đất do UBND phường I quản lý, do đơn của bà D không ghi loại đất nên bà L không giao cho bộ phận tham mưu xác minh loại đất trước khi bà ký vào đơn này.

- **Ông** Trần T3 *trình bày*: Ông Trần Đình H1 có khai phá được 01 thửa đất phía trước nhà ông H1 và có che quán tạm bợ. Sau đó ông H1 cho lại quán này để bà D làm ăn, sinh sống.

- **Ông** Trần T4 *trình bày*: Lúc trước bà D có bán quán tại vị trí này, buổi tối thì dọn quán và ở tại quán luôn.

- **Ông** Trần H2 *trình bày*: Khoảng năm 1985-1986 tôi thấy ông Trần Đình H1 có khai phá được 01 thửa đất phía trước nhà ông H1 và có che 01 tiệm may đồ cho con gái ông H1. Sau này thấy bà D đến đó sinh sống và bán bánh kẹo, thời gian sau thấy bà D bán bánh xèo.

- **Ông** Trần B2, **ông** Thiệu Thanh T5 *xác nhận*: Trần Thị D ở N, phường I có xây dựng nhà ở trước năm 2000.

- **Ông** Trương T6 *xác nhận*: bà Trần Thị D sinh sống làm nghề buôn bán, năm 2003 lấy ông Lê K, sinh được 02 người con và cùng nhau sinh sống, làm ăn liên tục tại lô đất, nhà ở mà UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên đang chuẩn bị giải tỏa nhà, thu hồi đất để thực hiện công trình đầu tư mở rộng dự án T, phường E, TP ., tỉnh Phú Yên từ năm 1995 đến nay.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 79; khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 6 Điều 6 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D về các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T;

+ Hủy một phần Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình Đầu tư mở rộng dự án tiểu công viên thanh thiếu niên giai đoạn D, phường E, thành phố T (phường I, Đ) (phần liên quan đến vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D);

+ Hủy Quyết định về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ số 1616/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T;

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 17/QĐ-CC ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 4627/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

+ Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 5268/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

+ Yêu cầu UBND thành phố T ban hành lại quyết định cho đúng pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông K, bà D;

+ Yêu cầu giao 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, để ổn định cuộc sống.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023, ông Lê K, bà Trần Thị D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông K và bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của ông K và bà D trình bày: Nhà và đất có diện tích 31,7m² của ông K và bà D tồn tại từ hơn 30 năm nay (từ năm 1985), ngoài chỗ ở nhà và đất bị giải tỏa thu hồi thì gia đình bốn người không có chỗ ở nào khác, gia đình khó khăn; bà D bị tật cầm điếu, ông K không có việc làm, thuộc diện trợ cấp hộ nghèo; đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo và toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện là UBND tỉnh Phú Yên và UBND thành phố T đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện cho UBND phường I, thành phố T trình bày: Gia đình ông K và bà D có hai con sinh sống nhà và đất bị thu hồi 31,7m² từ năm trước 2010(theo đơn xin xác nhận nhà); đất của UBND phường quản lý nên chỉ được bồi thường về nhà; ngoài chỗ ở nhà và đất trên thì gia đình không có chỗ ở nào khác; đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê K, bà Trần Thị D là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê K, bà Trần Thị D, thấy:

[1.1] Ngày 25/12/2018 UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 251/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T và thực hiện Thông báo số 3312/TB- UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố T về thông báo thu hồi đất để thực hiện Công trình; Thông báo số 278/TB-UBND ngày 12/3/2021 của UBND thành phố T điều chỉnh khoản 1 Thông báo số 3312/TB-UBND ngày 25/12/2018. Ngày 26/02/2019 Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất trong khu vực thu hồi để thực hiện dự án đối với ông Lê K, bà Trần Thị D. Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã chuyển giao Biên bản kiểm kê, Bảng tính chi tiết dự thảo cho ông Lê K, bà Trần Thị D, niêm yết công khai lấy ý kiến phương án bồi thường hỗ trợ dự án nêu trên. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Công ty TNHH K2 thì thửa đất số 101 – Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 05-2018 có hiện trạng sử dụng đất với diện tích 31,7m²; Diện tích trúng giải tỏa: 31,7m²; Diện tích còn lại: 0 m². Loại đất: ODT. Đối chiếu phiếu xác nhận kết quả đo đạc và hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính năm 1994 và sổ mục kê năm 1998, trang 161) thì phần diện tích này thuộc thửa đất số 194, TĐĐ 280A, loại đất: Hg (đất hoang), diện tích 11.120 m², tên chủ sử dụng đất là đất chưa sử dụng (đất do nhà nước quản lý). Về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất: Theo UBND phường I, ông K bà D chiếm đất Nhà nước quản lý làm nhà từ năm 2010 và sử dụng cho đến nay; về thời điểm xây dựng công trình, VKT, gắn liền với đất: Nhà cấp 4A1, h = 2,9 m, nền xi măng (Căn cứ theo đơn xin xác nhận nhà ở của ông K bà D năm 2010). *Tòa án sơ thẩm đã bác các yêu cầu của ông K bà D về:* Hủy Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T; Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 17/QĐ-CC ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T; Hủy Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của

UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T; Hủy Quyết định số 4627/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Lê K và bà Trần Thị D về yêu cầu hủy các quyết định nói trên.

[1.2] Vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D cho rằng nguồn gốc diện tích đất 31,7 m², tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T do ông Trần Đình H1 (Bác ruột của bà D) khai hoang, sử dụng từ trước năm 1985 cho và Ông B3 đã làm nhà buôn bán ổn định từ đó đến khi bị thu hồi và giải tỏa. Theo Biên bản ngày 30/12/2019 và ngày 18/10/2022 của UBND phường I về việc họp xét xác định nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc của các hộ bị ảnh hưởng dự án, UBND phường 9 xác định: Vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D chiếm đất nhà nước quản lý, xây dựng công trình trên diện tích đất 31,7m² để buôn bán và có hộ khẩu (tách hộ cùng nhà) với cha mẹ tại tổ A khu phố N, phường I, thành phố T. Theo bản đồ địa chính năm 1994, Sổ địa chính được Sở Địa chính tỉnh Phú Yên (nay là Sở T) phê duyệt ngày 15/10/1998 và Sổ mục kê năm 1998 thì phần diện tích đất 31,7 m², tọa lạc tại: Khu phố N, phường I, thành phố T, thuộc một phần thửa đất 194, TĐĐ 280A, loại đất Hg, diện tích 11.120m², tên chủ sử dụng đất: Đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý.

[1.3] Gia đình bà Trần Thị D và ông Lê Kỳ c với 2 hai con khó khăn về kinh tế, bản thân bà D bị câm, điếc bẩm sinh vào năm 1985. Năm 2010 gia đình bà D làm đơn xin xác nhận có nhà ở để được cấp điện sinh hoạt và được Chủ tịch UBND phường I ký xác nhận, gia đình bà đã quản lý sử dụng nhà đất này từ năm 1985 cho đến nay; khi sử dụng đất làm nhà ở gia đình bà D ông K không kê khai với chính quyền địa phương; tuy nhiên từ khi ông K bà D sửa chữa nhà và ở cả gia đình không bị chính quyền địa phương, cụ thể là UBND phường 9 xử phạt hành chính về hành vi chiếm đất công cũng như hành vi xây nhà trái phép, việc ở sinh hoạt tồn tại công khai có hộ khẩu và điện nước sinh hoạt. Gia đình bà Trần Thị D thuộc diện hộ nghèo (theo Quyết định trợ cấp xã hội số 4349/QĐ-UBND ngày 30/8/2019), bà không có việc làm, thu nhập bấp bênh, không có khả năng mua đất để ở khi bị thu hồi nên mong muốn được hỗ trợ 01 lô đất tái định cư để ổn định cuộc sống. Tại Thông báo thu hồi đất số 3312/TB-UBND ngày 25/12/2018 của UBND thành phố T xác định loại đất đang sử dụng của bà Trần Thị D là đất ở đô thị. Theo Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất ngày 26/02/2019 thể hiện: Diện tích đất bị thu hồi 31,7m², đất do UBND phường I quản lý, số thửa 101, tờ bản đồ số 23. Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc sử dụng đất của ông K bà D thuộc trường hợp sử dụng đất ổn định. Tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên: “...4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở

thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (bao gồm cả trường hợp có nhà ở trên đất của người khác), nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất được xác định bằng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh; giá bán cho thuê, cho thuê mua nhà ở do UBND tỉnh Quyết định theo từng dự án, công trình cụ thể”. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của UBND phường I, TP T xác nhận gia đình bà D ông K có ngôi nhà trên là chỗ ở duy nhất của cả gia đình gồm hai vợ chồng và hai con nhỏ và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường hay toàn tỉnh Phú Yên, sau khi bị giải tỏa nhà và đất trên thì không còn chỗ ở nào khác. Tại đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn của ông Lê K và bà Trần Thị D ghi ngày 6/5/2024 có nội dung: Hoàn cảnh gia đình vợ chồng và hai con nhỏ đang đi học khó khăn, gia đình bị thu hồi đất và nhà là chỗ ở duy nhất của cả gia đình ngoài ra không còn chỗ ở nào khác, ông Lê K là bộ đội tham gia chiến trường Campuchia, hiện nay không có việc làm ổn định phải chạy xe ôm kiếm sống, bà D khuyết tật bẩm sinh không có việc làm ổn định, buôn bán nhỏ thu nhập không ổn định được tổ trưởng khu phố xác nhận và UBND phường I xác nhận. Căn cứ vào Điều 4 khoản 4 của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên thì trường hợp thu hồi nhà và đất của gia đình ông K bà D được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất được xác định bằng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định hiện hành của UBND tỉnh; giá bán cho thuê, cho thuê mua nhà ở do UBND tỉnh Quyết định theo từng dự án, công trình cụ thể. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông K bà D: Hủy một phần Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình Đầu tư mở rộng dự án tiểu công viên thanh thiếu niên giai đoạn D, phường E, thành phố T (phường I, Đ) (phần liên quan đến vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D); Hủy Quyết định về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ số 1616/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T; Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 5268/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T; Yêu cầu UBND thành phố T ban hành lại quyết định cho đúng pháp luật phù hợp với quy định của UBND tỉnh Phú Yên về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông K, bà D.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Lê K, bà Trần Thị D là chưa phù hợp các quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi giải tỏa nhà đất của pháp luật và trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Lê K, bà Trần Thị D sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ hiện trạng, định giá tài sản: Người khởi kiện không kháng cáo và không đề nghị xem xét, nên được giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Người khởi kiện ông Lê K, bà Trần Thị D là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí sơ thẩm, và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. UBND thành phố T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 193; khoản 1, 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê K và bà Trần Thị D và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện Công trình: Đầu tư mở rộng dự án T, Phường E, thành phố T;

+ Hủy Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 17/QĐ-CC ngày 16/05/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 2753/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

+ Hủy Quyết định số 4627/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1, Quyết định số 17/QĐ-CC ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo và một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê K và bà Trần Thị D, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê K và bà Trần Thị D; Tuyên xử:

Hủy một phần Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Công trình Đầu tư mở rộng dự án tiểu công viên thanh thiếu

niên giai đoạn D, phường E, thành phố T (phường I, Đ) (phần liên quan đến vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D);

Hủy Quyết định về việc chi tiền bồi thường, hỗ trợ số 1616/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND thành phố T;

Hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại số 5268/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

Buộc UBND thành phố T ban hành lại quyết định cho đúng pháp luật phù hợp với quy định của UBND tỉnh Phú Yên về *bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên* nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông K, bà D.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ hiện trạng, định giá tài sản số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), ông K bà D đã nộp đủ.

4. Về án phí hành chính:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, UBND thành phố T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính chính sơ thẩm, Chủ tịch UBND thành phố T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính chính sơ thẩm. Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho vợ chồng ông Lê K, bà Trần Thị D.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Lê K, bà Trần Thị D không phải chịu.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn